

Bản án số: 21 /2021/HS-ST

Ngày: 23/6/ 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Thiên Lương

2. Ông Hoàng Quý Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2021/HSST ngày 14 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 27/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03 ngày 26/5/2021. Thông báo xét xử số: 02/2021/TBXX – HS ngày 10/6/2021 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Hữu D; Sinh ngày: 06/5/1992; Nơi ĐKNKTT: Thôn 1, Bắc S, xã Thanh H, huyện H, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở hiện nay: Thôn 5 Thanh L, xã Thanh H, huyện H tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu B, sinh năm: 1969, con bà: Đinh Thị Th, sinh năm: 1974; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư” từ ngày 06 tháng 02 năm 2021 (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

2/ Hồ H; Sinh ngày: 13/8/1996; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Bản X, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Mã Liềng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không tôn giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hồ V, sinh năm: 1960, con bà: Hồ Thị V (đã chết); Vợ: Hồ Thị D, sinh năm: 1997; Con: có 01 đứa sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư” từ ngày 06 tháng 02 năm 2021 (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà).

- *Bị hại*: Nhà sinh hoạt cộng đồng Bản X

Người đại diện hợp pháp cho phía bị hại: Ông: Hồ X – Sinh năm: 1978

Địa chỉ: Bản Cà X, xã H, Huyện H, tỉnh Quảng Bình. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Bà: Hà Thị U – Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn 5. Thanh L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình. (Vắng mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu D*: Ông Hoàng Khắc Ch – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 11/12/2020, trong lúc ngồi uống rượu tại nhà anh Hồ D ở Bản X, xã H, huyện H, Tỉnh Quảng Bình. Nguyễn Hữu D, trú tại: Thôn 5, Thanh L, Xã H, huyện H, rủ Hồ H, trú tại: Bản X, xã H đi trộm ti vi về bán cho mình, nhưng H nói lúc này chưa lấy được rồi bỏ đi. Khoảng 18 giờ ngày 12/12/2020, Duy chạy xe mô tô biển kiểm soát 73D1 – 226.62 đến nhà Hồ H ở Bản X, xã H chơi. Tại đây H hỏi D : “Có đi chở được ti vi không”, D trả lời: “Có”. Hợi chuẩn bị một tuốc lơ vít rồi một mình đi bộ đến nhà sinh hoạt cộng đồng Bản X cạy phá cửa đi vào bên trong hội trường thôn, lấy trộm một chiếc ti vi nhãn hiệu TCL, loại L40D30, màu đen, kích thước (51,5 x 90,5) cm. Sau khi lấy trộm được tài sản. Hợi gặp D và nói “Đã lấy trộm được ti vi”. D hỏi mua chiếc ti vi thì H đồng ý bán với giá: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng chẵn). D chở H cùng chiếc ti vi vừa lấy trộm được đưa về nhà của mình cất giấu. D vào nhà lấy tiền đưa cho Hợi số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), số tiền còn lại D hẹn trả sau. Sau đó D chở H về nhà của H, còn D thì về nhà ngủ. Đến sáng ngày 13/12/2020, ông Hồ X, trưởng bản X, xã H đến nhà sinh hoạt cộng đồng thôn kiểm tra phát hiện mất tài sản nên trình báo với Công an xã Thanh Hoá. Quá trình điều tra, Nguyễn Hữu D và Hồ H khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 26/KL – HĐĐG ngày 17/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tuyên Hoá kết luận: Một ti vi nhãn hiệu TCL, loại L40D30, màu đen, kích thước (51,5 x 90,5cm) có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng)

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa đã thu giữ:

- Một (01) ti vi nhãn hiệu TCL, loại L40D30, màu đen, kích thước (51,5 x 90,5) cm, đã qua sử dụng.

- Một (01) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu sơn: đen, BKS 73D1 – 226.62, kèm một chìa khoá của xe (đã qua sử dụng) mang tên Nguyễn Hữu Duy.

- Một (01) tuốc lơ vít dài 23cm, trục làm bằng kim loại, tay cầm làm bằng nhựa màu xanh, bên trong có ký hiệu PAT, 1562.

Hành vi của các bị cáo đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá làm rõ.

Bản Cáo trạng số: 16/CT-VKSTH-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu D, Hồ H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu D và Hồ H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 các điểm i, h, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt Nguyễn Hữu D từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 các điểm i, h, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt Hồ H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu D, Hồ H về cho Ủy ban nhân dân xã Thanh Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho người đại diện hợp pháp cho phía bị hại ông Hồ X: 01 (một) ti vi nhãn hiệu TCL, loại L40D30, màu đen, kích thước (51,5 x 90,5) cm, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu D: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu sơn: đen, BKS 73D1 – 226.62, kèm một chìa khoá của xe (đã qua sử dụng) mang tên Nguyễn Hữu D.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) tuốc lơ vít dài 23cm, trục làm bằng kim loại, tay cầm làm bằng nhựa màu xanh, bên trong có ký hiệu PAT, 1562.

- Buộc bị cáo Hồ H phải nộp lại số tiền 300.000đ khoản tiền thu lợi bất chính sung công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp cho phía bị hại (ông Hồ X) quá trình điều tra không yêu cầu gì thêm. Tại phiên toà vắng mặt nên không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu D và bị cáo Hồ H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Ông Hoàng Khắc Ch là trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu D trình bày: Nhất trí với tội danh của Viện kiểm sát truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu D, Hồ H các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự, suy nghĩ nông cạn, phạm tội giản đơn. Nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã giao nộp lại nguyên vẹn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 vì các bị cáo cư trú tại địa bàn vùng sâu, vùng xa, trình độ văn hoá thấp để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên toà, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của các bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới. Các bị cáo nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, không có tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình và của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy

các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên không xem xét gì thêm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Hữu D và Hồ H đã lợi dụng sự sơ hở của ban quản lý Nhà sinh hoạt cộng đồng Bản X, xã H không có người trông giữ tài sản đã lén lút đột nhập vào nhà sinh hoạt cộng đồng lấy trộm ti vi của Bản X là tài sản chung của bà con bản được Nhà nước tài trợ. Các bị cáo là những thanh niên tuổi đời còn rất trẻ, có sức khoẻ nhưng không chịu khó lao động, thích hưởng lợi từ tài sản có sẵn của người khác, nhằm phục vụ lợi ích cá nhân của các bị cáo. Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án này thấy rằng, bị cáo Nguyễn Hữu D là người chủ mưu, khởi xướng việc trộm cắp tài sản. Bị cáo đã rủ rê bị cáo Hồ H đi lấy trộm ti vi đưa về nhà ở Thôn 5 xã H, huyện H cất dấu. Đối với Hồ H là kẻ đồng phạm khi nghe Duy rủ rê đi lấy trộm ti vi đã không ngăn cản, từ chối mà tích cực hưởng ứng với Duy. Đồng thời bị cáo còn chuẩn bị công cụ là một tuốc nơ vít cạy phá cửa và đột nhập vào trong nhà sinh hoạt cộng đồng và là người trực tiếp lấy trộm tài sản là 01 ti vi nhãn hiệu TCL, loại 40D3000, màu đen trị giá 5.600.000đ. Vì vậy bị cáo cũng phải chịu một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo Nguyễn Hữu D, Hồ H đã có sự bàn bạc và thống nhất trước với nhau về việc trộm cắp tài sản và nơi cất dấu, tiêu thụ. Hành vi của các bị cáo là coi thường pháp luật và tài sản của người khác, gây tâm lý, hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân trên địa bàn xã H gây mất trật tự an ninh tại địa phương.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội đó phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà, lời khai của người đại diện hợp pháp cho phía bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu về thời gian, địa điểm, giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để khẳng định các bị cáo: Nguyễn Hữu D, Hồ H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) đúng như bản cáo trạng và quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá..

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Hữu D và Hồ H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Hữu D và Hồ H phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51BLHS để xem xét cho các bị cáo.

[5] Về mức án mà Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá đề nghị xử phạt:

- Bị cáo: Nguyễn Hữu D từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, về tội “trộm cắp tài sản”

- Bị cáo: Hồ H từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, về tội “trộm cắp tài sản”

Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu D và Hồ H là cố ý trực tiếp chiếm đoạt tài sản của Nhà sinh hoạt cộng đồng Bản X (người đại diện hợp pháp ông Hồ X), đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản chung của bà con nhân dân bản X được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội cần được xử lý nghiêm. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị mức án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá và cần áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cần xem xét cho các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo về chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để các bị cáo trở thành người tốt.

6] Về vật chứng vụ án: Một (01) ti vi nhãn hiệu TCL, loại L40D30, màu đen, kích thước (51,5 x 90,5) cm, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của Nhà sinh hoạt cộng đồng Bản X, nên cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để trả lại cho nhà sinh hoạt cộng đồng Bản X (đại diện bản X ông Hồ X trưởng bản là người quản lý hợp pháp)

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu sơn: đen, BKS 73D1 – 226.62, kèm một chìa khoá của xe (đã qua sử dụng) mang tên Nguyễn Hữu D. Mẹ của bị cáo bà Hà Thị U có nguyện vọng xin được nhận lại chiếc xe để sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho gia đình bị cáo D là người quản lý hợp pháp chiếc xe mô tô.

Đối với: Một (01) tuốc lơ vít dài 23cm, trục làm bằng kim loại, tay cầm làm bằng nhựa màu xanh, bên trong có ký hiệu PAT, 1562, đây là công cụ dùng để phạm tội cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu huỷ.

Đối với số tiền 300.000đ do bị cáo H bán ti vi mà có là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo Hồ H phải nộp lại khoản tiền để sung công quỹ Nhà nước.

7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, ông Hồ X trưởng bản X đại diện bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Hữu D, Hồ H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu D, Hồ H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Hữu D về cho UBND xã H, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình quản lý, giám sát trong thời gian thử thách của án treo.

- Xử phạt: bị cáo Hồ H 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Hồ H về cho UBND xã H, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình quản lý, giám sát trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho Nhà sinh hoạt cộng đồng bản X, xã H (người đại diện hợp pháp cho phía bị hại ông: Hồ X) : 01 (một) ti vi nhãn hiệu TCL, loại L40D30, màu đen, kích thước (51,5 x 90,5) cm, đã qua sử dụng.

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu sơn: đen, BKS 73D1 – 226.62, kèm một chìa khoá của xe (đã qua sử dụng) mang tên Nguyễn Hữu D cho bị cáo Nguyễn Hữu D là người quản lý hợp pháp.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) tuốc lơ vít dài 23cm, trục làm bằng kim loại, tay cầm làm bằng nhựa màu xanh, bên trong có ký hiệu PAT, 1562..

Hiện tại số vật chứng này đang được bảo quản tại kho bảo quản vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng

tài sản ngày 13/4/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá và Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tuyên Hoá.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS . Buộc bị cáo Hồ Hợi phải nộp lại 300.000đ khoản tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Hữu D và Hồ H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu D. Vắng mặt đại diện hợp pháp cho phía bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuyên bố bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hữu D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/6/2021). Đối với đại diện hợp pháp cho phía bị hại, người liên quan thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- Công an huyện Tuyên Hóa;
- TAND tỉnh QB;
- Chi cục THADS Tuyên Hóa;
- Bị cáo; đại diện hợp pháp bị hại;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Người BVQVLIHP; Người liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Đoàn Thị Bích Thủy